TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HS - ST
Ngày 23 - 11 - 2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quang Huy và ông Nguyễn Trùng Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 75/2022/TLST - HS ngày 24 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST - HS, ngày 07 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lương Đình T, sinh năm 1981 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện P, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Xuân H và bà Lương Thị X; vợ là Trần Thị S và 02 con (lớn 17 tuổi, nhỏ 13 tuổi); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/8/2022 đến ngày 02/9/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Nguyễn Dũng K, sinh năm 1986 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện P, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K1 và bà Nguyễn Thị T4; vợ là Nguyễn Thị Đoan T5 và 02 con (lớn 10 tuổi, nhỏ 08 tuổi); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/8/2022 đến ngày 02/9/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện P, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H1; vợ, con:

Chưa có; tiền án: Không; có 01 tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 16/10/2020 của Công an huyện P, Thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo số tiền 2.500.000 đồng về hành vi "Xâm phạm sức khoẻ người khác" (nộp phạt ngày 17/11/2022, chưa được xoá); nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 22/02/2013 của Công an huyện P, Thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo số tiền 750.000 đồng về hành vi quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 73/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính Phủ (nộp phạt năm 2013 và đã được xoá); Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 29/QĐ-XPVPHC ngày 27/8/2014 của Đồn Công an V, Công an huyện T, Thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo số tiền 150.000 đồng về hành vi "Gây rối trật tự công cộng" (nộp phạt năm 2014 và đã được xoá). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/8/2022 đến ngày 02/9/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Lương Văn T2, sinh năm 1985 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện P, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T5 và bà Nguyễn Thị P; vợ là Đặng Thị H2 và 02 con (lớn 09 tuổi, nhỏ 07 tuổi); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/8/2022 đến ngày 02/9/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Lương Văn T3, sinh năm 1974 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện P, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn C và bà Trần Thị B1; vợ là Nguyễn Thị H3 và 01 con 18 tuổi; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/8/2022 đến ngày 02/9/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 30/8/2022, Lương Đình T đang ở nhà tại thôn V, xã Đ, huyện P, Thành phố Hà Nội thì Nguyễn Văn T1 và Lương Văn T3 đến chơi. Sau đó T gọi thêm Lương Văn T2 và Nguyễn Dũng K đến chơi. Ngồi chơi một lúc, T rủ mọi đánh bạc dưới hình thức đánh chắn ăn tiền thì tất cả đồng ý. T đi mua 02 bộ bài chắn, sau đó trải chiếu trong buồng rồi cả bọn đánh bạc, T là người chia bài cho T1, T3, T2, K đánh bạc. Cả bọn quy ước ai ù được ăn tiền của 03 người còn lại (ù xuông được 60.000 đồng/người; ù chì, ù thông được 80.000 đồng/người; ù tôm được 100.000 đồng/người; ù lèo được 140.000 đồng/người; ù bạch thủ chi, ù bạch thủ định được 160.000 đồng/người; ù tám đỏ được 180.000 đồng/người; ù bạch thủ được 240.000 đồng/người). Trong quá trình chơi nếu người nào được các cước ù chì bạch thủ, bạch định, tám đỏ thì trích ra 20.000 đồng để dưới chiếu cho T. Cả bọn đánh bạc đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện P ập vào bắt quả tang thu giữ vật chứng gồm: 02 bộ bài chắn; 02 đĩa sứ và 9.530.000 đồng (trong đó tiền thu trên chiếu bạc là 6.010.000 đồng, tiền thu trên người các đối tượng dùng vào đánh bạc là 3.520.000 đồng).

Tại cáo trạng số 72/CT - VKS ngày 20/10/2022 của VKSND huyện P đã truy tố các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Dũng K, Nguyễn Văn T1, Lương Văn T2, Lương Văn T3 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Dũng K, Nguyễn Văn T1, Lương Văn T2, Lương Văn T3 phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; các điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, tuyên phạt Nguyễn Văn T1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thụ hình được trừ 03 ngày tạm giữ.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17; các điểm i, s Khoản 1 Điều 51 (Áp dụng thêm Khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Lương Đình T); Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự, tuyên phạt: Lương Đình T từ 09 tháng đến 12 tháng tù; Nguyễn Dũng K từ 07 tháng đến 09 tháng tù; Lương Văn T2, Lương Văn T3 mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 08 tháng tù, nhưng cho các bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi kể từ ngày tuyên án.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng của vụ án và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

Các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên... trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dụng vụ án:

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với nội dung Kết luận của cơ quan điều tra, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân, phù hợp với lời khai của các nhân chứng và của chính các bị cáo trong quá trình điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản thu giữ vật chứng... nên đã có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 08 giờ ngày 30/8/2022, tại nhà Lương Đình T ở thôn V, xã Đ, huyện P, Thành phố Hà Nội các đối tượng Lương Đình T, Nguyễn Dũng K, Nguyễn Văn T1, Lương Văn

T2, Lương Văn T3 đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh chắn ăn tiền đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện P bắt quả tang với số tiền sử dụng vào việc đánh bạc được thu giữ tại chiếu bạc và trên người các bị cáo là 9.530.000 đồng (Chín triệu lăm trăm ba mươi nghìn đồng). Với các hành vi nêu trên, việc VKSND huyện P truy tố các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Dũng K, Nguyễn Văn T1, Lương Văn T2, Lương Văn T3 ra trước Tòa để xét xử về tội Đánh bạc là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ không chỉ trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng mà còn gây mất trật tự trị an địa phương... khiến dư luận bất bình đòi hỏi phải đưa ra xử lý bằng pháp luật hình sự với mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với vai trò và tính chất nguy hiểm trong hành vi phạm tội của từng bị cáo để răn đe riêng và phòng ngừa chung.

Xét Lương Đình T là người khởi xướng vụ việc, sử dụng nhà mình cho người khác đánh bạc, chuẩn bị công cụ phạm tội, giúp sức chia bài cho các bị cáo khác... Vì vậy T được xếp ở vị trí thứ nhất với mức hình phạt cao hơn cả so với đồng bọn.

Đối với Nguyễn Dũng K có số tiền sử dụng đánh bạc nhiều nhất so với cả bọn (3.400.000 đồng) nên xếp ở vị trí thứ hai.

Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Lương Văn T2, Lương Văn T3 đều là những người tham gia đánh bạc có lượng tiền sử dụng đánh bạc tương đương nhau.... nên cùng xếp vị trí thứ ba.

Do Nguyễn Văn T1 có nhân thân xấu đã từng 03 lần bị xử phạt hành chính trong đó lần xử phạt hành chính năm 2020 chưa được xoá... Vì vậy, cần cách ly bị cáo T1 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời cũng là để răn đe phòng ngừa chung.

Đối với Lương Đình T, Nguyễn Dũng K, Lương Văn T2, Lương Văn T3 do có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng... nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định Điều 65 Bộ luật hình sự, giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú cùng gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ để các bị cáo thấm thía về tội lỗi của mình mà ăn năn hối cải về sau.

Khi lượng hình, đã cân nhắc đến việc các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình tố tụng đều tỏ ra thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo T có bố đẻ là bệnh binh... là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà xem xét giảm nhẹ phần nào mức hình phạt.

Do các bị cáo đều xuất thân từ nghề nông, mặt bằng thu nhập thấp, không ổn định... nên không cần thiết áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng của của án:

Số tiền 9.530.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và thu giữ trên người các bị cáo đều là tiền dùng vào để đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 4.320.000 đồng thu trên người Lương Đình T do không liên quan đến phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Vật chứng khác: 02 bộ bài chắn, 02 đĩa sứ là công cụ phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu huỷ.

Ngoài hình phạt, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Dũng K, Nguyễn Văn T1, Lương Văn T2 và Lương Văn T3 phạm tội "Đánh bạc".

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; các điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự, xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thụ hình được trừ 03 *(Ba)* ngày tạm giữ.

3. Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17; các điểm i, s Khoản 1 Điều 51 (Áp dụng thêm Khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Lương Đình T); Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử:

- Phạt bị cáo Lương Đình T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Phạt bị cáo Nguyễn Dũng K 07 (Bẩy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Phạt bị cáo Lương Văn T2 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Phạt bị cáo Lương Văn T3 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Dũng K, Lương Văn T2 và Lương Văn T3 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, Thành phố Hà Nội kết hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Áp dụng điểm các điểm a, b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, b, c Khoản 2 và điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 9.530.000 đồng (Chín triệu lăm trăm ba mươi nghìn đồng) là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu huỷ: 02 bộ bài chắn, mỗi bộ gồm 100 quân, một bộ màu đỏ, một bộ màu xanh; 02 chiếc đĩa sứ trắng (một đĩa có đường kính 20cm, một đĩa có đường kính 17cm), trên mặt mỗi đĩa có in hình bông hoa màu đỏ, đều là công cụ phạm tội đã cũ hỏng không còn giá trị sử dụng.

- Trả lại bị cáo Lương Đình T số tiền 4.320.000 đồng (Bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Toàn bộ tiền và vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

5. Áp dụng Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Lương Đình T, Nguyễn Dũng K, Nguyễn Văn T1, Lương Văn T2 và Lương Văn T3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Trung tâm Lý lịch tư pháp TW - Bộ tư pháp;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
-UBND xã nơi cư trú của bị cáo.
- Các bị cáo;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Lê Anh Phương